

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh N**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 78 đường T, tổ 26, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 78 đường T, tổ 26, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Hữu L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống rất hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2019, ông L thay đổi tính tình nên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông L thường xuyên đánh đập tôi và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Tôi đã khuyên can ông L nhiều lần nhưng không được dẫn đến vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung trong cuộc sống.

Từ tháng 6 năm 2020, ông L không ở cùng với bốn mẹ con, từ đó đến nay tôi và ông L đã sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định tôi và ông Nguyễn Hữu L có 03 con chung tên Nguyễn Lan T1, sinh ngày 08/3/2003; Nguyễn Trinh T2, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Hữu Phi L1, sinh ngày 07/6/2015. Hiện nay, cả 03 con chung đều đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Nguyễn Thị Minh N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L; giao 03 con chung Nguyễn Lan T1, sinh ngày 08/3/2003; Nguyễn Trinh T2, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Hữu Phi L1, sinh ngày 07/6/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; ông L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Hữu L đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì bà và ông Nguyễn Hữu L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng ông bà chung sống

hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông L thường xuyên đánh đập bà N và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ tháng 06 năm 2020 ông L đã không còn chung sống cùng bà N. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Nguyễn Thị Minh N và ông Nguyễn Hữu L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà N cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và không còn tình cảm với ông L nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông Nguyễn Hữu L đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên toà nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án. Qua đó, thể hiện ông L đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, vợ chồng bà N và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có đánh đập nhau, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh N là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Minh N trình bày vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Lan T1, sinh ngày 08/3/2003; Nguyễn Trinh T2, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Hữu Phi L1, sinh ngày 07/6/2015. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Hữu L không tham gia tố tụng nên không có ý kiến về vấn đề này. Xét nguyện vọng của bà N thì thấy, bà N và ông L có 03 con chung, từ khi ông L không chung sống cùng gia đình thì bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tham khảo ý kiến của 2 cháu Trinh và Trinh theo quy định pháp luật, cả hai cháu đều mong muốn ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Minh N và để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu thì nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung của bà N và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Minh N đối với ông Nguyễn Hữu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94, quyển số 01/2002, ngày 17 tháng 12 năm 2002 của UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi)

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Minh N và ông Nguyễn Hữu L có 03 con chung tên Nguyễn Lan T1, sinh ngày 08/3/2003; Nguyễn Trình T2, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Hữu Phi L1, sinh ngày 07/6/2015.

Giao 03 con chung Nguyễn Lan T1, sinh ngày 08/3/2003; Nguyễn Trình T2, sinh ngày 23/6/2010 và Nguyễn Hữu Phi L1, sinh ngày 07/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu L không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001920 ngày 08/5/2020.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà